

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ – ST
Ngày 18 - 4 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Ông Nguyễn Đức Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà:
Ông Lê Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện B, Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị đơn: Chị Lại Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện B, Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh và chị Lại Thị T kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 5 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng gia đình anh tại thôn G, xã T, huyện B. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vì con cái nhưng không có kết quả, anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng

11 năm 2016 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung gồm cháu Trần Văn Hưng, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Bích Ngọc, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2016; hiện nay cháu Hưng đang ở với anh còn cháu Ngọc đang ở với chị T. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hưng; đề chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị thừa nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như anh N trình bày ở trên, tuy nhiên theo chị nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về kinh tế dẫn đến các mâu thuẫn khác. Ngoài ra nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh N chơi bời, nợ lẩn, vợ chồng mâu thuẫn từ những nguyên nhân nhỏ nhặt; anh N nhiều lần đánh chị, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng đều không có kết quả. Chị và cháu Ngọc bỏ về nhà ngoại sinh sống từ cuối năm 2016 còn anh N và cháu Hưng sinh sống ở nhà ông bà nội từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm của vợ chồng không còn, anh N làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

+ Về con chung: Chị và anh N có hai con chung như anh N trình bày là đúng. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu vì chị xác định chị nuôi hai cháu tốt hơn, chị không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 8triệu/1tháng chị có đủ điều kiện nuôi các cháu.

+ Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị T được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Lại Thị T. Về con giao cháu Trần Văn Hưng cho anh N trực tiếp nuôi con sau ly hôn, giao cháu Trần Bích Ngọc cho chị T trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Anh N và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu

nên không xem xét. Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Lại Thị T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, bị đơn chị T hiện đang cư trú tại thôn Trung mầu, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về nội dung: Anh N và chị T kết hôn ngày 30 tháng 5 năm 2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh N và chị T thừa nhận quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất về kinh tế từ đó kéo theo rất nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Năm 2017 anh N đã có lần nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó anh rút đơn. Đến nay anh N xác định tình cảm không còn xin ly hôn chị T; chị T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân như anh N trình bày, tuy nhiên ngoài ra một phần do anh N có ham chơi chưa tập trung làm ăn. Đến nay anh N xin ly hôn chị đồng ý. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh N và chị T có hai con chung là cháu Trần Văn Hưng, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Bích Ngọc, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2016; hiện nay cháu Hưng đang ở với anh còn cháu Ngọc đang ở với chị T. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Phía anh N không đồng ý để chị thu được nuôi cả hai cháu, anh đề nghị giao cháu Hưng cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc cho chị T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của các bên thấy rằng mặc dù cả anh N và chị T đều có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con và theo quy định của pháp luật việc chăm sóc con chung vừa là quyền và nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, cháu Hưng và Ngọc hiện còn nhỏ việc chăm sóc các cháu là khá vất vả, tốn kém. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, tránh sự thay đổi không cần thiết do đó cần giao cháu Hưng cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ngọc cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Yêu cầu của chị T xin nuôi cả hai cháu không được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Anh N và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án

giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Lại Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn Hưng, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2013 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Trần Bích Ngọc, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002490 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện B; anh N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Trung Mỹ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Đức Tiến

Nguyễn Xuân Trọng